

ÔN TẬP

A/ BÀI GHI:

Câu 1: Vai trò của điểm mắt ở trùng roi là:

- A. Bắt mồi.
- B. Định hướng.
- C. Kéo dài roi.
- D. Điều khiển roi.

Câu 2: Phương thức sinh sản chủ yếu của trùng roi là:

- A. Mọc chồi
- B. Phân đôi.
- C. Tạo bào tử.
- D. Đẻ con.

Câu 3: Trong các phát biểu sau phát biểu nào sai?

- A. Trùng giày di chuyển nhờ lông bơi.
- B. Trùng biến hình luôn biến đổi hình dạng.
- C. Trùng biến hình có lông bơi hỗ trợ di chuyển.
- D. Trùng giày có dạng dẹp như đế giày.

Câu 4: Trong các đặc điểm nào dưới đây có cả ở trùng giày, trùng roi và trùng biến hình?

- A. Cơ thể luôn biến đổi hình dạng.
- B. Cơ thể có cấu tạo đơn bào
- C. Có khả năng tự dưỡng.
- D. Di chuyển nhờ lông bơi.

Câu 5: Dưới đây là 4 giai đoạn trùng biến hình bắt mồi và tiêu hoá mồi :

- (1) : Hai chân giả kéo dài nuốt mồi vào sâu trong chất nguyên sinh.
- (2) : Lập tức hình thành chân giả thứ hai vây lấy mồi.
- (3) : Không bào tiêu hoá tạo thành bao lấy mồi, tiêu hoá mồi nhờ dịch tiêu hoá.
- (4) : Khi một chân giả tiếp cận mồi (tảo, vi khuẩn, vụn hữu cơ...).

Em hãy sắp xếp các giai đoạn trên theo trình tự hợp lý ?

- A. (4) - (2) - (1) - (3).
- B. (4) - (1) - (2) - (3).
- C. (3) - (2) - (1) - (4).
- D. (4) - (3) - (1) - (2).

Câu 6. Thủy tức có di chuyển bằng cách nào?

- A. Di chuyển kiểu lộn đầu.
- B. Di chuyển kiểu sâu đo.
- C. Di chuyển bằng cách hút và nhả nước.
- D. Cả A và B, đều đúng.

Câu 7. Hình thức sinh sản vô tính của thủy tức là gì?

- A. Phân đôi.
- B. Mọc chồi.
- C. Tạo thành bào tử.

D. Cả A và B đều đúng.

Câu 8. Đặc điểm nào dưới đây có ở sứa?

A. Miệng ở phía dưới.

B. Di chuyển bằng tua miệng.

C. Cơ thể dẹp hình lá.

D. Không có tế bào tự vệ.

Câu 9. Loài ruột khoang nào có cơ thể hình trụ, kích thước khoảng từ 2 cm đến 5 cm, có nhiều tua miệng xếp đối xứng và có màu rực rỡ như cánh hoa ?

A. Thủy tức.

B. Hải quỳ.

C. San hô.

D. Sứa.

Câu 10. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện nghĩa câu sau :

Ở san hô, khi sinh sản ...(1)... thì cơ thể con không tách rời mà dính với cơ thể mẹ tạo nên ...(2)... san hô có ...(3)... thông với nhau.

(1) : mọc chồi ; (2) : tập đoàn ; (3) : khoang ruột

(1) : phân đôi ; (2) : cụm ; (3) : tầng keo

(1) : tiếp hợp ; (2) : cụm ; (3) : khoang ruột

(1) : mọc chồi ; (2) : tập đoàn ; (3) : tầng keo

Câu 11. Đặc điểm nào dưới đây không có ở hải quỳ?

A. Kiểu ruột hình túi.

B. Cơ thể đối xứng toả tròn.

C. Sống thành tập đoàn.

D. Thích nghi với lối sống bám.

Câu 12. Đây là điểm khác nhau giữa hải quỳ và san hô?

A. Hải quỳ có khả năng di chuyển còn san hô thì không.

B. Hải quỳ có cơ thể đối xứng toả tròn còn san hô thì đối xứng hai bên.

C. Hải quỳ có đời sống đơn độc còn san hô sống thành tập đoàn.

D. San hô có màu sắc rực rỡ còn hải quỳ có cơ thể trong suốt.

Câu 13. Sinh sản kiểu nảy chồi ở san hô khác thủy tức ở điểm nào?

A. San hô nảy chồi, cơ thể con tách khỏi bố mẹ khi còn non; thủy tức nảy chồi, cơ thể con tách khỏi bố mẹ khi trưởng thành.

B. San hô nảy chồi, cơ thể con không tách khỏi bố mẹ; thủy tức nảy chồi, khi chồi trưởng thành sẽ tách khỏi cơ thể mẹ sống độc lập.

C. San hô nảy chồi, cơ thể con tách khỏi bố mẹ khi trưởng thành ; thủy tức khi chồi trưởng thành vẫn không tách khỏi cơ thể mẹ sống độc lập.

D. San hô nảy chồi, cơ thể con không tách khỏi bố mẹ ; thủy tức khi chồi chưa trưởng thành đã tách khỏi cơ thể mẹ sống độc lập.

Câu 14. Đặc điểm nào sau đây có ở vòng đời của sán lá gan?

A. Thay đổi nhiều vật chủ và qua nhiều giai đoạn ấu trùng.

- B. Trứng, ấu trùng và kén có hình dạng giống nhau.
- C. Sán trưởng thành sẽ kết bào xác vào mùa đông.
- D. Ấu trùng sán có tỉ lệ trở thành sán trưởng thành cao.

Câu 15. Đặc điểm nào dưới đây có ở sán lá gan?

- A. Miệng nằm ở mặt bụng.
- B. Mắt và lông bơi tiêu giảm.
- C. Cơ dọc, cơ vòng và cơ lưng bụng kém phát triển.
- D. Có cơ quan sinh dục đơn tính.

Câu 16. Vòng đời của sán lá gan có đặc điểm nào dưới đây?

- A. Thay đổi nhiều vật chủ và qua nhiều giai đoạn ấu trùng.
- B. Trứng, ấu trùng và kén có hình dạng giống nhau.
- C. Sán trưởng thành kết bào xác vào mùa đông.
- D. Ấu trùng sán có khả năng hoá sán trưởng thành cao.

Câu 17. Điền từ/cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện nghĩa câu sau

Sán lá gan đẻ nhiều trứng, trứng gặp nước nở thành ấu trùng ...(1)... và sau đó ấu trùng kí sinh trong ...(2)..., sinh sản cho ra nhiều ấu trùng ...(3)..., loại ấu trùng này rời khỏi ốc bám vào cây cỏ, bèo, cây thủy sinh và biến đổi trở thành ...(4).... Nếu trâu bò ăn phải cây cỏ có kén sán sẽ bị nhiễm bệnh sán lá gan.

(1) : có đuôi ; (2) : cá ; (3) : có lông bơi ; (4) : trứng sán

(1) : có đuôi ; (2) : ốc ; (3) : có lông bơi ; (4) : kén sán

(1) : có lông bơi ; (2) : ốc ; (3) : có đuôi ; (4) : kén sán

(1) : có lông bơi ; (2) : cá ; (3) : có đuôi ; (4) : trứng sán

Câu 18. Ý nghĩa sinh học của việc giun đũa cái dài và mập hơn giun đũa đực là

- A. Giúp con cái bảo vệ trứng trong điều kiện sống kí sinh.
- B. Giúp tạo và chứa đựng lượng trứng lớn.
- C. Giúp tăng khả năng ghép đôi vào mùa sinh sản
- D. Giúp tận dụng được nguồn dinh dưỡng ở vật chủ

Câu 19. Ngành giun đốt không có vai trò nào sau đây:

- A. Làm thức ăn cho người và động vật
- B. Làm đất trồng màu mỡ thoáng xốp
- C. Cản trở giao thông đường thủy
- D. Có hại cho người và động vật

Câu 20. Vật chủ trung gian thường thấy của sán lá gan là gì?

- A. Cá.
- B. Ốc
- C. Trai.
- D. Hến.

*** DẶN DÒ:**

- Chuẩn bị ôn tập (tt)

ÔN TẬP (TT)

A/ BÀI GHI:

Câu 1: Tập tính ôm trứng của tôm mẹ có ý nghĩa như thế nào?

- A. Giúp trứng tận dụng ôxi từ cơ thể mẹ.
- B. Bảo vệ trứng khỏi kẻ thù.
- C. Giúp phát tán trứng đi nhiều nơi.
- D. Giúp trứng nhanh nở.

Câu 2: Các sắc tố trên vỏ tôm sông có ý nghĩa như thế nào?

- A. Tạo ra màu sắc rực rỡ giúp tôm đe dọa kẻ thù.
- B. Thu hút con mồi lại gần tôm.
- C. Là tín hiệu nhận biết đực cái của tôm.
- D. Giúp tôm ngụy trang để lẩn tránh kẻ thù.

Câu 3: Tại sao trong quá trình lớn lên, ấu trùng tôm phải lột xác nhiều lần?

- A. Vì lớp vỏ mất dần canxi, không còn khả năng bảo vệ.
- B. Vì chất kitin được tôm tiết ra phía ngoài liên tục.
- C. Vì lớp vỏ cứng rắn cản trở sự lớn lên của tôm.
- D. Vì sắc tố vỏ ở tôm bị phai, nếu không lột xác thì tôm sẽ mất khả năng ngụy trang.

Câu 4: Những loài giáp xác nào dưới đây có hại cho động vật và con người?

- A. Sun và chân kiếm kí sinh
- B. Cua nhện và sun
- C. Sun và rận nước
- D. Rận nước và chân kiếm kí sinh

Câu 5: Giáp xác có vai trò như thế nào trong đời sống con người?

- A. Làm nguồn nhiên liệu thay thế cho các khí đốt.
- B. Được dùng làm mỹ phẩm cho con người.
- C. Là chỉ thị cho việc nghiên cứu địa tầng.
- D. Là nguồn thực phẩm quan trọng của con người.

Câu 6: Quá trình chăng lưới ở nhện bao gồm các giai đoạn sau :

- (1): Chăng tơ phóng xạ.
- (2): Chăng các tơ vòng.
- (3): Chăng bộ khung lưới.

Hãy sắp xếp các giai đoạn trên theo thứ tự hợp lí.

- A. (3) → (1) → (2).
- B. (3) → (2) → (1).
- C. (1) → (3) → (2).
- D. (2) → (3) → (1).

Câu 7: Khi rình mồi, nếu có sâu bọ sa lưới, lập tức nhện thực hiện các thao tác :

- (1): Tiết dịch tiêu hóa vào cơ thể mồi.
- (2): Nhện hút dịch lỏng ở con mồi.

(3): Nhện ngoạm chặt mồi, tiết nọc độc.

(4): Trói chặt mồi rồi treo vào lưới một thời gian.

Hãy sắp xếp các thao tác trên theo trình tự hợp lí.

A. (3) → (2) → (1) → (4).

B. (2) → (4) → (1) → (3).

C. (3) → (1) → (4) → (2).R

D. (2) → (4) → (3) → (1).

Câu 8: Cơ thể của nhện được chia thành

A. 3 phần là phần đầu, phần ngực và phần bụng.

B. 2 phần là phần đầu và phần bụng.

C. 3 phần là phần đầu, phần bụng và phần đuôi.

D. 2 phần là phần đầu – ngực và phần bụng.

Câu 9: Bộ phận nào dưới đây giúp nhện di chuyển và chăng lưới ?

A. Đôi chân xúc giác.

B. Bốn đôi chân bò.

C. Các núm tuyến tơ.

D. Đôi kim.

Câu 10: Châu chấu non có hình thái bên ngoài như thế nào?

A. Giống châu chấu trưởng thành, chưa đủ cánh.

B. Giống châu chấu trưởng thành, đủ cánh.

C. Khác châu chấu trưởng thành, chưa đủ cánh.

D. Khác châu chấu trưởng thành, đủ cánh.

Câu 11: Thức ăn của châu chấu là

A. côn trùng nhỏ.

B. xác động thực vật.

C. chồi và lá cây.

D. mùn hữu cơ.

Câu 12: Có bao nhiêu đặc điểm trong số các đặc điểm dưới đây giúp chúng ta nhận biết các đại diện của lớp Sâu bọ trong thiên nhiên?

A. Cơ thể chia thành ba phần rõ rệt: đầu, ngực và bụng.

B. Đầu có 1 đôi râu, ngực có 3 đôi chân và 2 đôi cánh.

C. Thở bằng ống khí.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 12: Nhóm nào dưới đây gồm toàn những sâu bọ sống ở môi trường nước?

A. Ấu trùng ve sầu, bọ gậy, bọ rầy.

B. Bọ vẽ, ấu trùng chuồn chuồn, bọ gậy.

C. Bọ gậy, ấu trùng ve sầu, dế trũi.

D. Ấu trùng chuồn chuồn, bọ gậy, bọ ngựa.

Câu 14: Nhóm nào dưới đây gồm toàn những sâu bọ là thiên địch trên đồng ruộng?

A. Bọ ngựa, kiến ba khoang, mối, ong mắt đỏ.

B. Bộ ngựa, ong xanh, ong mắt đỏ, nhện lùn.

C. Bộ rùa, kiến ba khoang, ruồi xám, ong xanh.

D. Nhện đỏ, ong mắt đỏ, rầy xanh, mọt vòi voi.

Câu 15: Động vật nào dưới đây không có lối sống kí sinh?

A. Bộ ngựa. B. Bộ rầy. C. Bộ chết. D. Rận.

*** Tự luận:**

1. Vòng đời sán lá gan ? Trùng sốt rét ?

2. Vai trò của ngành ruột khoang ? Lớp sâu bọ ?

3. Đặc điểm chung của ngành ĐVNS và ngành thân mềm ?

B. DẶN DÒ:

- Chuẩn bị ôn tập thật kỹ của hai tiết ôn tập để KTCKI